



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN**  
**ACCREDITATION SCHEDULE**

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCLQG ngày tháng năm 2025  
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

**TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation**

Tiếng Việt/ in Vietnamese: CÔNG TY TNHH TUV NORD VIỆT NAM

Tiếng Anh/ in English: TUV NORD VIETNAM COMPANY LIMITED

**SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 016 - FSMS**

**ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation**

Trụ sở chính/ Head office:

Tầng 12, tòa nhà TID, số 4 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
12<sup>th</sup> floor, TID Building, No.4 Lieu Giai Street, Ngoc Ha Ward, Hanoi City, Vietnam

Chi nhánh/ Branch office:

Tầng 3, DC tower, 111D Lý Chính Thắng, phường Xuân Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
3<sup>rd</sup> floor, DC Tower, 111D Ly Chinh Thang, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

**Tel:** +84 24 3772 2892

**Website:** <https://www.tuv-nord.com/vn>

**CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards**

- ISO/IEC 17021-1: 2015
- ISO 22003-1: 2022

**HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation period**

Từ/ from / /2025 đến/ to 30/12/2030



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN**  
**ACCREDITATION SCHEDULE**

**PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation**

Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn TCVN ISO 22000:2018, CXC 1-1969 revised in 2020 (HACCP), CXC 1-1969 revised in 2022 (HACCP) cho các lĩnh vực sau/ *Certification of food safety management system according to ISO 22000:2018, CXC 1-1969 revised in 2020 (HACCP), CXC 1-1969 revised in 2022 (HACCP) for the following scopes:*

| <b>Nhóm ngành</b><br><i>Cluster</i>                                                       | <b>Ngành</b><br><i>Category</i> |                                                                                                             | <b>Chuyên ngành</b><br><i>Subcategory</i> |                                                                                                                                                                                        |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chế biến thực phẩm cho người và động vật<br><i>Processing food for humans and animals</i> | C                               | Chế biến thực phẩm, nguyên liệu và thức ăn cho vật nuôi<br><i>Food, ingredients and pet food processing</i> | CI                                        | Chế biến thực phẩm có nguồn gốc động vật mau hỏng ở nhiệt độ thường<br><i>Processing of perishable animal products</i>                                                                 |
|                                                                                           |                                 |                                                                                                             | CII                                       | Chế biến thực phẩm có nguồn gốc thực vật mau hỏng ở nhiệt độ thường<br><i>Processing of perishable plant-based products</i>                                                            |
|                                                                                           |                                 |                                                                                                             | CIII                                      | Chế biến thực phẩm có nguồn gốc động vật và thực vật (sản phẩm hỗn hợp) mau hỏng ở nhiệt độ thường<br><i>Processing of perishable animal and plant-based products (mixed products)</i> |
|                                                                                           |                                 |                                                                                                             | CIV                                       | Chế biến sản phẩm giữ được lâu ở nhiệt độ thường<br><i>Processing of ambient stable products</i>                                                                                       |
|                                                                                           | D                               | Sản xuất thức ăn chăn nuôi<br><i>Feed and animal food processing</i>                                        |                                           |                                                                                                                                                                                        |
| Bán lẻ, vận chuyển và lưu kho<br><i>Retail, transport, and storage</i>                    | F                               | Thương mại, bán lẻ và thương mại điện tử<br><i>Trading, retail, and e-commerce</i>                          | FI                                        | Bán lẻ/ Bán buôn<br><i>Retail/ Wholesale</i>                                                                                                                                           |
|                                                                                           |                                 |                                                                                                             | FII                                       | Môi giới/ Thương mại<br><i>Brokering/ Trading</i>                                                                                                                                      |
|                                                                                           | G                               | Dịch vụ vận chuyển và bảo quản<br><i>Transport and storage services</i>                                     |                                           |                                                                                                                                                                                        |
| Nguyên liệu bao gói<br><i>Packaging material</i>                                          | I                               | Sản xuất vật liệu bao gói<br><i>Production of packaging material</i>                                        |                                           |                                                                                                                                                                                        |



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)  
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN (VICAS)

70 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 24 37911951; Email: [vpcongnhan@boa.gov.vn](mailto:vpcongnhan@boa.gov.vn); Web: [www.boa.gov.vn](http://www.boa.gov.vn)

---

Ghi chú/ *Note*: Công ty TNHH TUV NORD Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *TUV NORD Vietnam Company Limited must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.*